TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 195/2020/HS-PT
Ngày: 16-7-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Khắc Thịnh
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tuấn Anh
Ông Nguyễn Tấn Tặng

Thư ký phiên toà: Ông Huỳnh Văn Nhựt Minh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà: Ông Đỗ Trung Đến - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2020, tại Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 115/2020/HSPT ngày 21 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo Bùi Xuân N. Do có kháng cáo của bị cáo Bùi Xuân N đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 07/2020/HS-ST ngày 11 tháng 03 năm 2020 của Toà án nhân dân huyện C.

Bị cáo có kháng cáo: Bùi Xuân N (tên gọi khác: S); Giới tính: Nam; Sinh năm: 19XX, tại tỉnh Đ; Nơi cư trú tại: số XX, khóm Tân H, phường An H, thành phố S, tỉnh Đ; Nghề nghiệp: Tài xế; Trình độ học vấn: X/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Cha: Bùi Phú H, sinh năm 19XX (chết); Mẹ: Nguyễn Thị V, sinh năm 19XX (còn sống); Anh chị em ruột: có 09 người, bị cáo là người thứ tám; Vợ: Trần Kim C, sinh năm 19XX; có 03 con, lớn nhất sinh năm 1991, nhỏ nhất sinh năm 1999; Nhân thân: Ngày 23/02/2010 bị Tòa án nhân dân Thành phố S, tỉnh Đ xử phạt 03 năm tù giam về tội "Cướp giật tài sản", chấp hành xong ngày 31/8/2011; Ngày 01/11/2017 bị Công an phường An H, thành phố S, tỉnh Đ xử phạt vi phạm hành chính 2.500.000đ về hành vi xâm phạm sức khỏe người khác, đã nộp phạt xong. Tiền án: Ngày 15/9/2015 bị Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Đ xử phạt 03 năm tù giam về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", chấp hành xong ngày 17/9/2017; Tiền sự: Ngày 12/7/2019 bị Công an phường An H, thành phố S, tỉnh Đ xử phạt vi phạm hành chính 750.000đ về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Bị tạm giữ ngày 20/10/2019, tạm giam ngày 28/10/2019; bị cáo đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Tháp, có mặt.

Người làm chứng:
1. Nguyễn Văn T, sinh năm 19XX (có mặt).
2. Lê Thị Như T1, sinh năm 19XX (vắng mặt).
Cùng cư trú: tổ X, ấp An H, xã Tân B, huyện C, tỉnh Đ.

3. Ngô Văn P, sinh năm 2XXX (vắng mặt).
Cư trú: tổ X, ấp X, xã Mỹ L, huyện C, tỉnh Đ.
4. Lê Vũ E, sinh năm 19XX (vắng mặt).
Cư trú: ấp An B, xã An K, huyện C, tỉnh Đ.

Trong vụ án còn có bị cáo Nguyễn Văn T không kháng cáo và Viện kiểm sát không kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 12 giờ 50 phút ngày 19/10/2019, phòng nghiệp vụ Công tỉnh Đồng Tháp đã khám xét nhà trọ nơi Nguyễn Văn T đang ở tại Tổ X, ấp An H, xã Tân B, huyện C, tỉnh Đ thì phát hiện T tàng trữ 13 bịch nylong màu trắng bên trong có tinh thể rắn màu trắng cùng một số dụng cụ để sử dụng ma túy và các thiết bị điện tử có liên quan. Tất cả các vật chứng trên bị thu giữ theo đúng quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

Qua điều tra mở rộng thì xác định được Bùi Xuân N là người nghiện ma túy đã mua ma túy của một người tên N1 (không rõ họ tên và địa chỉ) ở ngã ba An Thái Trung thuộc huyện C, tỉnh T, số tiền mua ma túy là 3.600.000 đồng, mục đích là bán lại cho Nguyễn Văn T và Lê Vũ E để kiếm lời cụ thể như sau:

Lần thứ 1: Vào ngày 16/9/2019, Nguyễn Văn T chủ động điện thoại cho N hỏi mua 600.000 đồng ma túy đá, N đồng ý. Tiên trực tiếp chở vợ là Lê Thị Như T1 đến nhà N tại XX, khóm Tân H, phường An H, thành phố S, tỉnh Đ nhận ma túy. Do không có tiền nên N kêu T viết biên nhận nợ 2.000.000 đồng trong đó có 1.400.000 đồng nợ vay trước đó và 600.000 đồng mua ma túy, T thống nhất viết biên nhận rồi lấy ma túy về nhà sử dụng.

Lần thứ 2: Vào ngày 19/9/2019, Lê Vũ E, sinh năm 19XX điện thoại cho N hỏi mua 300.000 đồng ma túy đá, N đồng ý và trực tiếp điều khiển xe mô tô biển số 6XHX-XXXX chở bạn gái tên Bùi Thị Ngọc C1, sinh năm 19XX đến nhà trọ của T thuê ở tại ấp An H, xã Tân B, huyện C, tỉnh Đ. Khi đến nơi, N đưa ma túy cho T và nhận 300.000 đồng. Việc giao nhận này là do Vũ E nhờ Tiên, khi có ma túy thì Vũ E và T cùng nhau sử dụng.

Lần thứ 3: Ngày không nhớ nhưng cũng trong tháng 9 năm 2019, Lê Vũ E điện thoại cho N hỏi mua 500.000 đồng ma túy đá, N đồng ý và trực tiếp giao ma túy cho Vũ E tại cầu Nàng Hai thuộc thành phố S.

Số lần mua bán ma túy trên bị cáo Bùi Xuân N đã khai nhận phù hợp với lời khai của Nguyễn Văn T và những người có liên quan trong vụ án.

Theo kết luận Giám định số 844/KL-KTHS ngày 21/10/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp kết luận: Tinh thể rắng chứa trong 13 bịch nylon màu trắng dạng nắp kẹp được niêm phong trong phong bì thu của Nguyễn Văn Tiên gởi giám định là chất ma túy, có khối lượng 3,521 gram, loại Methamphetamine (số thứ tự 323 thuộc danh mục II, Nghị định số 73 ngày 15/5/2018 của Chính phủ).

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 07/2020/HS-ST ngày 11/03/2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đ đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Bùi Xuân N phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 251; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự

Xử phạt: Bị cáo Bùi Xuân N 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ 20/10/2019.

Căn cứ khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự: Phạt bổ sung bị cáo Bùi Xuân N 5.000.000 đồng sung công quỹ Nhà nước.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên phạt bị cáo Nguyễn Văn T 02 năm 06 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", tuyên xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo bản án theo luật định.

Ngày 12 tháng 3 năm 2020, bị cáo Bùi Xuân N có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt tù. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Bùi Xuân N thay đổi nội dung kháng cáo, bị cáo kháng cáo kêu oan.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh cho rằng hành vi phạm tội của bị cáo có đầy đủ các yếu tố cấu thành tội "Mua bán trái phép chất ma túy" nên cấp sơ thẩm kết tội bị cáo với tội danh nêu trên là có căn cứ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo kêu oan của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 07/2020/HS-ST ngày 11/03/2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đ. Mặt khác, gia đình bị cáo N có công với Cách mạng nhưng cấp sơ thẩm không áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo là có thiếu sót. Tuy nhiên, do không có kháng cáo, kháng nghị về vấn đề này và xét mức hình phạt mà cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là hoàn toàn phù hợp nên giữ nguyên phần quyết định của bản án hình sự sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo.

Bị cáo không phát biểu tranh luận, lời nói sau cùng bị cáo Bùi Xuân N yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét minh oan cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo nộp trong hạn luật định là hợp lệ. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo thay đổi nội dung kháng cáo từ xin giảm nhẹ hình phạt sang kháng cáo kêu oan, sự thay đổi này được chấp nhận và được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo kêu oan cho rằng bị cáo chỉ cho ma túy để Nguyễn Văn T sử dụng 02 lần và cho Lê Vũ E 01 lần, chứ không có bán ma túy, nhưng cấp sơ thẩm lại kết tội bị cáo là "Mua bán trái phép chất ma túy". Tuy nhiên, quá trình điều tra Nguyễn Văn T đã khai nhận mua ma túy của Bùi Xuân N 02 lần với giá là 2.000.000 đồng (lần đầu 1.400.000 đồng, lần 02 là 600.000 đồng), việc mua bán này có Lê Thị Như T1 là vợ T biết. Lê Thị Như T1 khai nhận đã cùng với T sử dụng ma túy, nguồn ma túy mua của S (tên khác của bị cáo N), N trực tiếp bán cho T 02 lần với số tiền là 2.000.000 đồng nhưng do không có tiền trả nên T làm biên nhận nợ cho N. Tại cơ quan điều tra, trong nhiều bản khai N cũng khai nhận đã 02 lần bán ma túy cho T. Đặc biệt tại biên bản đối chất giữa T và N (bút lục 203), N cũng thừa nhận chỉ bán ma túy cho T 02 lần chứ không phải 05 lần. Rõ ràng có nhiều lời khai của nhiều người và của chính bị cáo thừa nhận bán ma túy cho T. Như vậy có đầy đủ chứng cứ chứng minh

bị cáo N có bán ma túy cho T. Do đó, đã đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo N đã phạm vào tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo N về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan sai gì cho bị cáo. Bị cáo kháng cáo kêu oan nhưng với những chứng cứ và luận cứ nêu trên cùng lời khai của người làm chứng đã chứng minh hành vi của bị cáo là có tội nên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm đã tuyên.

[4] Xét việc áp dụng pháp luật tại phần "Quyết Định" đã tuyên án của bản án sơ thẩm có sự nhầm lẫn giữa 02 bị cáo cụ thể: Bị cáo Bùi Xuân N được hưởng tình tiết giảm nhẹ ở khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự do gia đình có công cách mạng đã được nhận định ở mục [4] của bản án sơ thẩm, nhưng khi tuyên án thì không áp dụng. Ngược lại bị cáo Nguyễn Văn T không được hưởng tình tiết trên, thì lại được ghi nhận trong phần căn cứ để tuyên án cho bị cáo T. Đây là sai sót mà cấp sơ thẩm cần phải nghiêm túc rút kinh nghiệm. Tuy không có kháng cáo và kháng nghị phần này, nhưng cần thiết phải xem xét và phải sửa căn cứ áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho đúng với thực tế của từng bị cáo, đồng thời đảm bảo chặt chẽ giữa phần phân tích nhận định với phần Quyết định.

[5] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đối với bị cáo N là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Bùi Xuân N phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

[7] Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 345; điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo Bùi Xuân N giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 07/2020/HS-ST ngày 11/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đ.

Sửa căn cứ pháp luật áp dụng đối với cả hai bị cáo.

Tuyên bố: Bị cáo Bùi Xuân N phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy"; Bị cáo Nguyễn Văn Tiên phạm tội " Tàng trữ trái phép chất ma túy".

1. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 251, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: bị cáo Bùi Xuân N 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ 20/10/2019.

Căn cứ khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự;
Phạt bổ sung bị cáo Bùi Xuân N 5.000.000đ sung công quỹ Nhà nước.

2. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Văn T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ 19/10/2019.

3. Về án phí: Bị cáo Bùi Xuân N phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDTC (Vụ GĐKT 1);
- VKSND Tỉnh;
- Ban nội chính Tỉnh ủy;
- Sở Tư pháp Tỉnh;
- TAND huyện C (03 bản);
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Cơ quan CSĐT CAH C;
- Cơ Quan THAHS Công an Tỉnh;
- Cơ quan THAHS CAH C;
- Trại tạm giam Công an Tỉnh;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CAT;
- Phòng KTNV-THA Tòa án Tỉnh;
- Bị cáo;
- Lưu VT, HSVA, (Nhựt Minh).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)
Lê Khắc Thịnh